

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng hơn 11 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/12/2022		•	
Tuần 26/12-30/12/2022		•	
Tháng 12/2022			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên hồi phục hôm qua, VN-Index mở cửa với mức biến động nhẹ và đi ngang trong phiên sáng. Sang phiên chiều, dòng tiền chảy vào thị trường và lan tỏa vào các nhóm ngành cổ phiếu với 15/19 ngành cổ phiếu bật tăng. Kết phiên, chỉ số tăng hơn 11 điểm so với phiên hôm qua. Trong phiên hôm nay, nhóm ngành Du lịch và Giải trí và ngành Dầu khí là hai mũi nhọn tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp so với giai đoạn trước thể hiện tâm lý cẩn trọng của nhà đầu tư. Nhiều khả năng VN-Index vẫn sẽ duy trì xu hướng vận động trong vùng 1000-1040 điểm đến khi có thông mới trên thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+11.09** điểm, đóng cửa **1015.66** điểm. HNX-Index **+2.9** điểm, đóng cửa **206.04** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+2.41)**, **VCB (+1.07)**, **SAB (+0.8)**, **CTG (+0.66)**, **VRE (+0.64)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MWG (-0.29)**, **TCB (-0.13)**, **HDB (-0.1)**, **ACB (-0.09)**, **SHB (-0.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **6,436** tỷ đồng, giảm **-15%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,671 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.55 điểm. Thị trường có **259** mã tăng, 71 mã tham chiếu, **146** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **319.23** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (72.74 tỷ)**, **SAB (59.49 tỷ)**, **DGC (42.65 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **24.64** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1015.66**

Giá trị: 6435.77 tỷ **11.09 (1.11%)**

Khối ngoại (ròng): 319.23 tỷ

HNX-INDEX **206.04**

Giá trị: 602.99 tỷ **2.9 (1.43%)**

Khối ngoại (ròng): 24.64 tỷ

UPCOM-INDEX **70.44**

Giá trị: 172.37 tỷ **-0.08 (-0.11%)**

Khối ngoại (ròng): -6.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	79.0	-0.70%
Giá vàng	1,805	-0.50%
Tỷ giá USD/VND	23,600	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,923	-0.03%
Tỷ giá JPY/VND	17,603	0.00%
LS liên NH 1 tháng	6.7%	0.07%
LS TPCP 5 năm	4.7%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	72.74	BCM	-160.98
SAB	59.49	PDR	-55.86
DGC	42.65	SSI	-21.41
NVL	35.10	DBC	-12.53
MSN	32.78	DCM	-7.20

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất phân tích kỹ thuật	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

BSC

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 28/12

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	79.53	-0.03%	4.33%	2.85%	5.20%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	84.53	0.73%	5.68%	0.76%	8.08%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.37	-0.60%	6.59%	4.26%	5.29%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1813.13	0.86%	-0.24%	4.16%	0.43%		PNJ
Bạc	Ounce	24.05	0.60%	-0.47%	14.99%	4.61%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1485.00	0.41%	0.44%	1.90%	8.55%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	774.00	-0.26%	3.13%	-0.86%	-1.21%	AFX	
Sữa	Cwt	20.53	0.00%	0.05%	-2.38%	11.52%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	128.50	0.78%	-2.58%	1.90%	-25.46%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	867.50	0.49%	0.49%	5.72%	-16.47%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	84.13	-1.23%	-3.47%	6.56%	-23.55%		
Cà phê	LB	166.95	-2.94%	-0.51%	3.79%	-26.00%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.83	0.77%	0.91%	6.11%	-13.56%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3965.00	0.71%	2.14%	6.16%	-13.12%		HPG
Nhôm	Ton	2389.50	-0.69%	0.61%	0.93%	-15.77%	CAV, SAM, TGP	
Quặng sắt	Ton	112.00	0.00%	1.82%	11.44%	-5.88%	HPG	
Than đá	Ton	401.10	0.11%	-0.96%	15.34%	137.48%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 27/12, dầu thô Brent tăng 41 US cent hay 0.5% lên 84.33 USD/thùng, trong khi dầu thô WTI giảm 3 US cent xuống 79.53 USD/thùng. Trong phiên cả hai loại dầu này đã lên mức cao nhất kể từ ngày 5/12.
- Giá dầu biến động nhẹ sau khi đạt mức cao nhất 3 tuần do việc khởi động lại tại một số nhà máy năng lượng của Mỹ bị đóng cửa bởi bão tuyết đồng thời hy vọng sự phục hồi nhu cầu khi Trung Quốc nới lỏng những hạn chế về Covid-19.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.1% lên 1,816.69 USD/ounce, trong phiên có lúc đã tăng lên 1,832.99 USD/ounce, cao nhất kể từ ngày 27/6. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 2/2023 đóng cửa tăng 1.1% lên 1,823.1 USD/ounce.
- Giá vàng tăng lên mức cao nhất trong 6 tháng do lạc quan xung quanh các quyết định nhằm nới lỏng hơn nữa những hạn chế về Covid-19 của Trung Quốc gây áp lực lên USD, trong khi lợi suất trái phiếu của Mỹ hạn chế đà tăng.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2023 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, Trung Quốc đóng cửa tăng 1.8% lên 836 CNY (120.11 USD)/tấn. Giá đã đạt 838 CNY trong phiên này, cao nhất kể từ ngày 16/12. Tại Singapore, hợp đồng quặng sắt giao tháng 1/2023 tăng khoảng 3.4% lên 114.30 USD/tấn, cao nhất kể từ cuối tháng 7. Tâm lý lạc quan cũng thúc đẩy giá thép và các thành phần sản xuất thép khác.
- Quặng sắt tăng, với giá tại Singapore đạt mức cao nhất trong 5 tháng sau khi nhà sản xuất thép hàng đầu thế giới, Trung Quốc quyết định loại bỏ các quy định kiểm dịch cho du khách.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3/2023 đóng cửa giảm 5.05 US cent hay 2.9% xuống 1.6695 USD/lb. Cà phê arabica đang giao dịch trong phạm vi tương đối hẹp từ 1.55 USD tới 1.7 USD kể từ cuối tháng 11. Xuất khẩu cà phê của Uganda giảm 15% trong tháng 11 so với cùng tháng năm trước do hạn hán làm giảm sản lượng tại một số khu vực.

Thị trường chứng khoán thế giới

	28/12	% 28/12	27/12	% 27/12	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1015.66	1.10%	1004.57	-15.66%	-0.32%	0.99%
S&P 500			3829.25	-0.40%	0.30%	-4.92%
HDTL S&P500	3866.50	0.30%	3855.00	-2.73%	0.45%	-4.92%
Shang-hai	3087.40	-0.26%	3095.57	-5.39%	0.62%	0.29%
Euro Stoxx	3836.24	0.09%	3832.89	4.95%	0.89%	-3.18%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/19/2022	VCS	57.7	70.5	53.3	53.5	9	-7.28%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
12/15/2022	TLG	51.1	60	45.5	49.8	13	-2.54%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

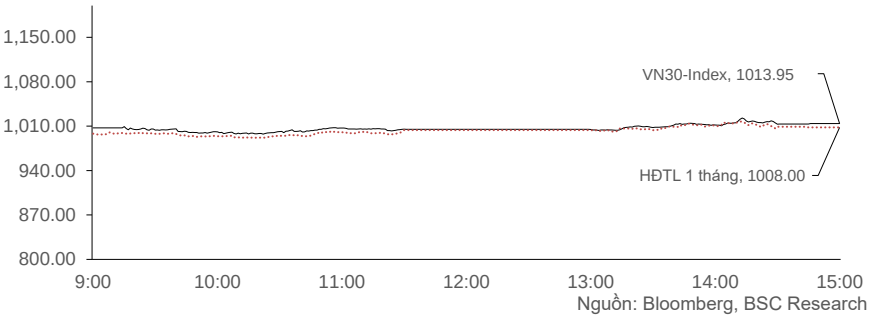
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/16/2022	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/5/2022	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
8/4/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/3/22	REE	81.2	93	78.5	SL	54	-3.33%
8/2/22	POW	13.75	16	13	SL	55	-5.45%
8/1/22	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-4.91%	-4.91%	11
Cổ phiếu đã chốt	250	229	7.06%	-7.48%	4.04%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2301	1008.00	0.70%	-5.95	-8.0%	377,420	1/19/2023	31
VN30F2302	1003.00	0.22%	-10.95	-42.9%	647	2/16/2023	52
VN30F2303	993.20	0.02%	-20.75	65.8%	121	3/16/2023	80
VN30F2306	983.10	0.34%	-30.85	-41.7%	70	6/15/2023	171

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 6.59 điểm lên 1013.95 điểm, biên độ dao động 26.12 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VRE, MSN, STB, và VJC đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tăng tăng nhẹ trong phiên chiều với biến động với biên độ giao động lớn. Mẫu hình nến Hammer cùng với khối lượng thấp cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng. Khuyến nghị nhà đầu tư tiếp tục giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2303 tăng, các hợp đồng còn lại giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2301 và VN30F2306 giảm, tất cả các hợp đồng tương lai đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2218	3/1/2023	63	5:1	353,800	46.19%	1,000	510	10.87%	249	2.05	33,538	27,888	26,900
CVRE2215	3/31/2023	93	2:1	528,200	46.19%	2,600	640	10.34%	546	1.17	33,900	30,000	26,900
CVNM2210	3/2/2023	64	5:1	70,200	29.09%	2,700	2,040	7.37%	1,220	1.67	87,750	73,000	77,000
CSTB2218	3/31/2023	93	2:1	564,000	56.09%	2,100	240	4.35%	477	0.50	28,560	28,000	22,900
CVHM2218	6/6/2023	160	6:1	270,700	35.44%	1,650	590	3.51%	407	1.45	63,180	54,000	47,700
CVPB2211	3/31/2023	93	1.33:1	404,000	44.27%	2,450	300	3.45%	221	1.36	23,605	35,000	18,150
CHPG2224	3/1/2023	63	4:1	420,900	51.21%	1,000	310	3.33%	109	2.84	24,502	22,222	18,200
CMBB2213	6/6/2023	160	3:1	254,000	45.24%	1,550	1,150	2.68%	772	1.49	20,600	17,000	17,450
CSTB2214	1/9/2023	12	2:1	354,800	56.09%	1,630	520	1.96%	314	1.66	23,940	23,000	22,900
CHPG2225	6/6/2023	160	3:1	170,200	51.21%	1,550	1,380	-1.43%	1,072	1.29	20,870	17,000	18,200
CSTB2223	3/1/2023	63	4:1	549,800	56.09%	1,000	960	-2.04%	722	1.33	24,471	21,111	22,900
CSTB2215	3/28/2023	90	5:1	277,000	56.09%	1,100	790	-2.47%	542	1.46	25,722	22,222	22,900
CSTB2222	3/1/2023	63	4:1	291,000	56.09%	1,000	1,080	-2.70%	857	1.26	24,622	20,222	22,900
CVRE2216	8/31/2023	246	4:1	157,100	46.19%	1,650	630	-3.08%	603	1.04	36,320	31,000	26,900
CVNM2207	3/28/2023	90	15.4:1	228,100	29.09%	1,100	940	-3.09%	640	1.47	88,476	68,668	77,000
CTCB2214	6/6/2023	160	3:1	113,900	47.92%	2,470	1,300	-7.14%	1,076	1.21	31,680	27,000	26,150
CVPB2212	8/31/2023	246	2.66:1	607,000	44.27%	1,700	360	-7.69%	341	1.06	25,497	37,000	18,150
CHPG2221	3/31/2023	93	4:1	987,300	51.21%	1,000	100	-9.09%	81	1.23	25,520	25,000	18,200
CMBB2211	8/31/2023	246	4:1	582,300	45.24%	1,200	160	-11.11%	129	1.24	27,920	27,000	17,450
CVHM2215	3/31/2023	93	6:1	838,800	35.44%	2,100	160	-23.81%	82	1.96	64,920	60,000	47,700
Tổng				8,023,100	46.43%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 28/12/2022, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2212 và CVRE2217 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 25% và 24.03%. Giá trị giao dịch giảm -44.28%. CSTB2223 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.52%.
- CSTB2218, CPNJ2203, CSTB2220, và CMWG2213 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2222, CVNM2211, CSTB2223, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2211, CVNM2210, CFPT2212, và CSTB2222 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	43.0	-1.8%	1.0	2,736	2.6	3,504	12.3	2.7	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	110.0	1.9%	0.7	1,177	1.2	7,720	14.2	3.2	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	46.7	0.4%	1.0	1,507	0.3	2,359	19.8	1.6	26.8%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	45.9	2.5%	0.8	467	0.2	2,959	15.5	1.4	59.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	53.5	0.2%	0.5	8,872	4.8	290	184.6	1.8	12.8%	1.0%
VRE	Bất động sản	26.9	4.3%	1.1	2,658	2.1	909	29.6	1.9	32.8%	6.6%
VHM	Bất động sản	47.7	0.4%	0.9	9,031	3.1	7,221	6.6	1.5	24.2%	25.2%
DXG	Bất động sản	12.9	-0.8%	1.9	341	3.2	1,390	9.2	0.8	27.2%	9.2%
SSI	Chứng khoán	18.2	-0.3%	1.7	1,175	8.7	2,253	8.1	1.2	41.2%	14.5%
VCI	Chứng khoán	24.3	1.7%	1.0	459	3.9	3,018	8.0	1.6	20.0%	20.2%
HCM	Chứng khoán	21.4	1.2%	1.6	424	3.4	2,087	10.2	1.2	42.8%	14.5%
FPT	Công nghệ	76.7	0.3%	0.9	3,658	2.0	4,803	16.0	4.2	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	50.9	-1.9%	0.4	727	0.0	4,926	10.3	2.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	103.0	-0.1%	0.9	8,571	1.0	6,968	14.8	3.5	2.9%	25.5%
PLX	Dầu khí	31.5	2.9%	1.5	1,740	1.0	738	42.7	1.7	18.0%	3.8%
PVS	Dầu khí	22.1	0.0%	1.4	459	3.6	1,044	21.2	0.9	18.4%	4.1%
BSR	Dầu khí	13.5	-1.5%	0.8	1,820	2.1	2,108	6.4	1.1	41.1%	19.1%
DHG	Dược	85.1	0.7%	0.3	484	0.0	6,822	12.5	2.7	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	43.3	0.6%	1.4	736	2.2	15,533	2.8	1.3	19.5%	56.1%
DCM	Hóa chất	26.5	0.2%	1.3	609	1.3	7,691	3.4	1.4	12.2%	49.8%
VCB	Ngân hàng	80.0	1.1%	0.9	16,461	4.1	5,584	14.3	3.0	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	41.9	4.8%	1.0	9,215	6.6	3,201	13.1	2.2	17.2%	18.1%
CTG	Ngân hàng	27.2	2.1%	1.4	5,673	2.2	3,239	8.4	1.2	27.8%	15.5%
VPB	Ngân hàng	18.2	1.4%	1.2	5,298	13.7	2,995	6.1	1.3	17.7%	23.3%
MBB	Ngân hàng	17.5	1.2%	1.4	3,440	3.5	3,876	4.5	1.1	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	22.0	-0.5%	1.1	3,231	1.8	3,922	5.6	1.3	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	61.1	1.2%	0.7	217	0.2	6,869	8.9	1.9	86.0%	22.9%
NTP	Nhựa	32.0	0.0%	0.6	180	0.0	3,961	8.1	1.4	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	11.2	1.8%	1.6	535	0.0	178	62.9	0.9	10.1%	1.4%
HPG	Thép	18.2	-0.3%	1.5	4,601	11.4	2,662	6.8	1.1	21.3%	17.0%
HSG	Thép	11.9	1.3%	1.9	309	4.3	439	27.1	0.7	7.3%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	77.0	0.5%	0.5	6,997	4.0	3,778	20.4	5.2	55.7%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	176.5	2.9%	0.8	4,921	1.2	8,428	20.9	4.6	62.6%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	93.0	1.5%	1.0	5,757	2.7	6,744	13.8	5.2	30.4%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	14.3	3.2%	1.4	419	1.5	1,206	11.9	1.1	11.5%	9.1%
ACV	Vận tải	85.0	-0.4%	0.8	8,045	0.5	363	234.3	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	110.5	2.3%	1.1	2,602	1.1	114	967.8	3.4	16.9%	0.4%
HVN	Vận tải	14.2	4.8%	1.7	1,362	1.6	(4,005)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	45.6	-0.8%	0.8	597	0.6	3,063	14.9	1.9	48.9%	14.2%
PVT	Vận tải	21.6	3.3%	1.3	304	3.3	2,528	8.5	1.2	19.6%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	53.6	0.2%	0.8	373	0.1	7,783	6.9	1.7	3.0%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	36.0	2.9%	1.1	702	1.4	4,399	8.2	2.2	6.2%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.5	2.5%	1.3	173	0.1	652	16.0	0.8	2.0%	4.7%
CTD	Xây dựng	33.3	-1.0%	1.5	107	0.2	(832)	#N/A N/A	0.3	52.3%	-0.7%
CII	Xây dựng	13.0	1.2%	1.6	143	1.3	1,464	8.9	0.6	8.6%	7.1%
REE	Điện	71.8	-0.3%	-1.4	1,109	2.7	7,767	9.2	1.7	49.1%	20.2%
PC1	Điện	20.4	2.8%	-0.4	240	1.1	1,507	13.5	1.1	4.3%	8.7%
POW	Điện	10.7	0.0%	0.6	1,084	1.7	499	21.4	0.8	4.8%	3.9%
NT2	Điện	28.8	1.6%	0.7	360	0.4	2,858	10.1	1.9	16.3%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	22.9	6.8%	1.6	763	7.5	2,934	7.8	1.1	19.1%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	79.9	0%	0.9	3,596	0.4	1,654	48.3	4.7	3.0%	12.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	41.90	4.75	2.41	3.69MLN
VCB	80.00	1.14	1.07	1.17MLN
SAB	176.50	2.92	0.80	157000
CTG	27.15	2.07	0.66	1.89MLN
VRE	26.90	4.26	0.64	1.81MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MWG	43.00	-1.83	0	1.39MLN
TCB	26.15	-0.57	0	3.30MLN
HDB	16.20	-0.92	0	1.18MLN
ACB	22.00	-0.45	0	1.83MLN
SHB	10.10	-0.98	0	8.90MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ELC	9.95	6.99	0.01	225600.00
MCG	3.37	6.98	0.00	128600
VOS	11.50	6.98	0.03	2.01MLN
DRH	4.31	6.95	0.01	1.48MLN
TTB	3.56	6.91	0.01	317800

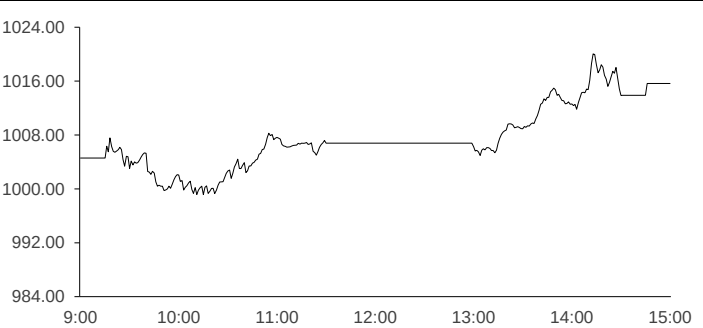
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MWG	43.00	-1.83	-0.29	1.39MLN
TCB	26.15	-0.57	-0.13	3.30MLN
HDB	16.20	-0.92	-0.10	1.18MLN
ACB	22.00	-0.45	-0.09	1.83MLN
SHB	10.10	-0.98	-0.08	8.90MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	37.80	4.13	0.86	16300.00
NVB	19.90	5.29	0.78	94900
KSF	70.80	3.06	0.47	91000
CEO	19.90	6.42	0.38	9.25MLN
IDC	32.60	1.88	0.24	1.61MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTI	45.00	-9.64	-0.19	8300
SHS	8.70	-1.14	-0.12	9.95MLN
LHC	50.70	-7.65	-0.07	13000
HUT	14.50	-0.68	-0.05	580700
VIT	18.00	-5.26	-0.04	100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

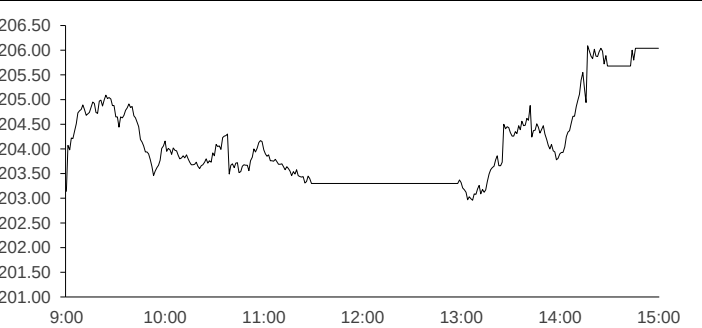
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	2.20	10.0	0.02	615600
SGH	46.40	10.0	0.02	100
L14	48.90	9.9	0.17	138400
VBC	22.30	9.9	0.00	10300
NFC	14.50	9.9	0.01	1100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPC	13.60	-9.93	-0.01	400
VNC	37.40	-9.88	-0.03	200
PTI	45.00	-9.64	-0.19	8300
PIA	23.70	-9.20	-0.01	100
BTW	30.10	-8.51	-0.01	100

Hình 2

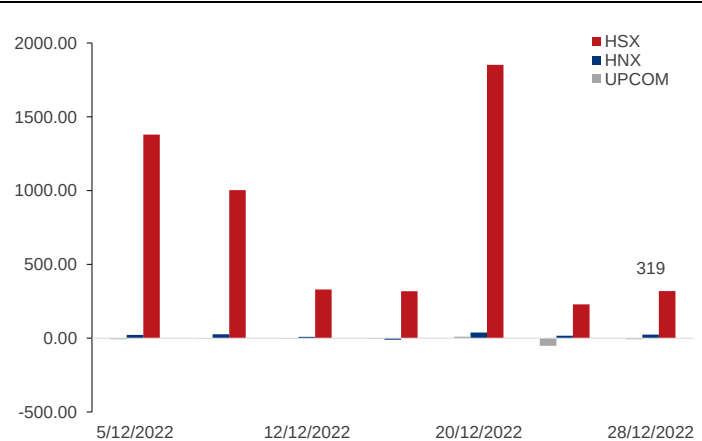
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	85.0	363	234.3	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	110.0	7,720	14.2	3.2	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	18.3	0	#N/A N/A	0.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	76.7	4,803	16.0	4.2	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	61.1	6,869	8.9	1.9	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	49.8	5,795	8.6	1.9	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	27.1	1,786	15.1	1.7	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	32.5	10,803	3.0	1.0	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	69.8	12,293	5.7	1.7	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	40.6	4,727	8.6	1.6	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	13.5	2,108	6.4	1.1	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	30.1	1,016	29.6	1.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	12.9	1,390	9.2	0.8	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	18.2	2,662	6.8	1.1	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	14.7	1,409	10.4	0.7	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	43.3	15,533	2.8	1.3	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	10.5	652	16.0	0.8	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	28.8	2,858	10.1	1.9	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	18.3	0	#N/A N/A	0.7	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	21.4	3,943	5.4	0.7	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	14.8	1,278	11.5	1.3	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	20.4	1,507	13.5	1.1	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	10.7	499	21.4	0.8	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	12.4	2,826	4.4	0.6	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	71.8	7,767	9.2	1.7	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	23.5	4,406	5.3	0.6	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	103.0	6,968	14.8	3.5	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	23.2	4,889	4.7	1.0	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	18.2	2,662	6.8	1.1	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	11.5	3,944	2.9	1.1	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	13.5	2,108	6.4	1.1	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	51.0	3,936	13.0	3.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	110.0	7,720	14.2	3.2	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.5	2,761	5.2	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	28.8	2,858	10.1	1.9	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	53.4	11,143	4.8	0.9	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	70.2	5,327	13.2	4.3	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	20.4	1,507	13.5	1.1	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	12.3	671	18.3	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	76.7	4,803	16.0	4.2	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	20.7	2,642	7.8	1.3	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	12.4	2,826	4.4	0.6	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	10.7	499	21.4	0.8	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	110.0	7,720	14.2	3.2	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	43.0	3,504	12.3	2.7	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.6	2,528	8.5	1.2	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	22.0	19.1	15.18%	24	10.91%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	85.0	74.7	13.79%	90	5.88%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	79.9	75.0	6.53%	94	17.90%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	13.5	13.6	-0.74%	19	38.52%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	51.0	37.7	35.28%	51	0.39%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	14.7	10.6	38.68%	14	-4.08%	
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	20.7	17.1	20.76%	28	35.59%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	76.7	65.9	16.39%	85	10.30%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	70.2	59.8	17.39%	75	7.26%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	12.8	12.2	4.92%	16	22.66%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	32.6	29.0	12.41%	43	33.13%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	22.9	16.7	36.83%	18	-20.79%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	21.4	18.9	13.23%	24	10.28%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	43.0	37.9	13.46%	50	16.98%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	110.0	94.1	16.90%	119	8.09%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	10.7	10.5	1.91%	13	22.07%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	18.3	13.6	34.56%	20	7.65%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	22.1	19.1	15.71%	28	26.70%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	21.6	17.5	23.43%	24	12.50%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.0	12.0	8.33%	16	23.08%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	71.8	70.2	2.28%	86	19.78%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	80.0	75.0	6.67%	90	12.87%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	38.6	34.9	10.60%	48	24.35%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	69.8	74.9	-6.81%	87	24.93%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	77.0	75.7	1.78%	83	7.68%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	26.9	25.0	7.60%	32	18.22%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Trợ lý chứng quyền (Thổ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
8	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
18	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
21	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
23	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
24	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
27	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
30	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
33	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
36	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
41	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
43	Banking Sector Outlook		x	Click
44	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639